

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH MIỆN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 12/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 25-4-2024

V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Lý

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hoài

Bà Nguyễn Thị Khánh

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Cao Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diên – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 49/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2024 về việc: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Phương A, sinh năm: 1998

Địa chỉ: thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương. Có mặt

- Bị đơn: Anh Phí Triệu Đ, sinh năm: 1994

Địa chỉ: thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, nguyên đơn Hoàng Phương A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Đ tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 07/11/2022, tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương. Hai vợ chồng chung sống vui vẻ, hòa thuận được khoảng 6 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do sau khi kết hôn thì anh Đ thất nghiệp, không có thu nhập, còn chị thì trong thời kỳ mang thai và sinh con nên vợ chồng thường xuyên cãi vã về kinh tế và tiền chi tiêu sinh hoạt hàng ngày. Ngoài ra, sau khi sinh con, gia đình chồng và anh Đ muốn chị lo toan công việc gia đình nữa nhưng chị có bán hàng qua mạng nên chỉ lo được cho con và công việc chứ không thể lo toan việc gia đình được. Do đó, mâu thuẫn giữa hai anh chị ngày càng trầm trọng, thường xuyên cãi nhau. Đến ngày 30/10/2023, mâu thuẫn đỉnh điểm là bố mẹ chồng nói

tra chị cho bố mẹ đẻ để dạy dỗ lại nên từ hôm đó, chị đã bế con về nhà mẹ đẻ sống. Hai vợ chồng không chung sống từ đó đến nay, không ai liên lạc với ai, không ai tìm biện pháp hàn gắn. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Đ.

Về con chung: anh chị có 01 con chung là Phí Anh K, sinh ngày 24/4/2023, hiện đang sống cùng chị. Sau khi ly hôn, chị đề nghị được giao trực tiếp nuôi con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi, yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con mức 2.000.000đ/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Hiện, chị đang sống cùng với bố mẹ đẻ, công việc lao động tự do, thu nhập khoảng 10.000.000đ/tháng, thời gian làm việc không cố định nên có nhiều thời gian ở nhà chăm con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

** Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn Phí Triệu Đ trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 07/11/2022 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng tháng 7/2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là anh làm việc ở quán S, mẹ vợ ra vào quán, anh có chào nhưng mẹ vợ không nhìn thấy anh chào nên cho rằng anh láo dẫn tới thường xuyên chửi anh và nói không nhận anh là con rể. Anh cũng đã xin lỗi thì hai gia đình lại trở lại bình thường. Cho đến tháng 10/2023, mâu thuẫn đỉnh điểm là chị gái của chị A nói bố mẹ anh không biết chăm cháu khiến cho mâu thuẫn giữa hai vợ chồng trầm trọng thêm. Sau đó, chính anh là người nói bố mẹ đẻ sang nói chuyện với bố mẹ vợ để bố mẹ vợ dạy dỗ lại chị A thì gia đình chị A tự gọi chị A về. Hai vợ chồng không chung sống từ đó đến nay, trong thời gian này, anh nhiều lần gọi điện nói hai vợ chồng quay lại nhưng chị A không đồng ý. Anh Đ xác định không còn tình cảm với chị A nên đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị A.

Về con chung: hai vợ chồng có một con chung là Phí Anh K, sinh ngày 24/4/2023, hiện con đang sống cùng chị A. Sau khi ly hôn, anh đồng ý giao con chung cho vợ trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi, anh được đảm bảo quyền lợi thăm nom, chăm sóc con, gia đình chị A không được cản trở gây khó dễ cho anh.

Về mức cấp dưỡng: anh chỉ đồng ý cấp dưỡng mức 1.000.000đ/ tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Lý do anh chỉ đồng ý mức này vì chị A là người muốn ly hôn, muốn nuôi con, ngoài ra, anh sẽ trợ cấp bằng hiện vật.

Hiện, anh đang sống cùng bố mẹ đẻ, làm công việc kinh doanh qua mạng và thiết lập web, thu nhập từ 6.000.000đ đến 7.000.000đ/tháng. Anh làm việc tự do nên không có bảng lương cụ thể.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Tại Biên bản xác minh ngày 02/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, đại diện Ủy ban nhân dân xã T cho biết: địa phương không nắm được mâu thuẫn vợ chồng anh Đ, chị A, chỉ biết hiện tại chị A đã sinh sống tại nhà mẹ đẻ chứ không sống cùng anh Đ nữa.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị A giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, anh Đ không đồng ý ly hôn, anh chỉ đồng ý ly hôn nếu chị A đồng ý giao cho anh nuôi dưỡng con chung. Về con chung, trong trường hợp tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn thì anh Đ đề nghị được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con, trường hợp Tòa án giao con chung cho chị A trực tiếp nuôi thì anh chỉ đồng ý cấp dưỡng mức 1.000.000đ/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, đương sự chấp hành quyền và nghĩa vụ theo Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phương A ly hôn anh Đ.

Về con chung: Giao cháu Phí Anh K, sinh ngày 24/4/2023 cho chị Hoàng Phương A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 1.500.000đồng/tháng, phương thức cấp dưỡng hàng tháng đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Anh Đ có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Không phải giải quyết.

Về án phí: buộc các đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xuất phát từ yêu cầu đề nghị ly hôn, nuôi con của chị Hoàng Phương A nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị A và anh Đ tự nguyện đăng ký kết hôn theo quy định nên hôn nhân là hợp pháp. Hai anh chị đều thừa nhận chỉ chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là từ kinh tế và cách ứng xử trong gia đình với nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hai bên thường xuyên cãi vã, từ tháng 10/2023, xuất phát từ việc anh Đ yêu cầu bố mẹ vợ dạy dỗ lại chị A, nên từ đó đến nay, anh chị đã không còn chung sống với nhau. Chị A nhận thấy không còn tình cảm nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Đ, anh Đ chỉ đồng ý ly hôn nếu được nuôi con chung.

Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn hôn nhân của chị A, anh Đ đã trầm trọng, cuộc sống chung không còn tồn tại, không còn sự quan tâm, chia sẻ lẫn nhau, lẽ ra anh chị cùng thực hiện các biện pháp cải thiện tình cảm gia đình

nhưng lại sống ly thân thời gian dài, anh Đ đồng ý ly hôn với điều kiện được nuôi con chung nên có kéo dài cuộc hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc, do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị A ly hôn với anh Đ.

[2.2] Về con chung: chị A, anh Đ có một con chung là Phí Anh K, sinh ngày 24/4/2023, anh chị đều có nguyện vọng được giao trực tiếp nuôi con chung khi ly hôn. Xét thấy, hai anh chị hiện đang sống cùng bố mẹ, làm công việc tự do và có thu nhập, tuy nhiên, từ trước tới nay cháu K sống cùng chị A, cháu đang còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi, rất cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ, do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu K cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

[2.3] Về mức cấp dưỡng: chị A đề nghị anh Đ cấp dưỡng nuôi con mức 2.000.000đ/tháng, anh Đ đồng ý cấp dưỡng mức 1.000.000đ/tháng. Xét thấy, anh Đ cấp dưỡng 1.000.000đ/tháng là không đảm bảo cho các khoản chi phí chăm sóc, nuôi dưỡng, ăn uống của cháu K, trong khi đó, anh Đ có thu nhập từ 6.000.000đ đến 7.000.000đ/tháng. Hội đồng xét xử căn cứ vào mức thu nhập của anh Đ và nhu cầu thiết yếu của cháu K, chấp nhận một phần yêu cầu của chị A, buộc anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con mức 1.800.000đ/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự xác định không có nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí: chị A khởi kiện yêu cầu ly hôn, anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên mỗi đương sự phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51; 56; 57; 81; 82; 83; 84; 110; 116 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Phương A. Chị Hoàng Phương A và anh Phí Triệu Đ được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung là Phí Anh K, sinh ngày 24/4/2023 cho chị Hoàng Phương A trực tiếp nuôi cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh Phí Triệu Đ cấp dưỡng nuôi con mức 1.800.000đ (một triệu tám trăm nghìn đồng)/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày 25/4/2024.

Anh Phí Triệu Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người

phải thi hành chưa thanh toán số tiền trên thì còn phải trả khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Về án phí: Chị Hoàng Phương A phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/23, số 0001626 ngày 12/3/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

Anh Phí Triệu Đ phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Miện;
- Chi cục THADS huyện Thanh Miện;
- UBND xã Tứ Cường, H. Thanh Miện (GCNKH 61, ngày 07/11/2022);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương Lý